

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý
Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 42/TTr-STC ngày 11 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Thủ trưởng các Sở, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

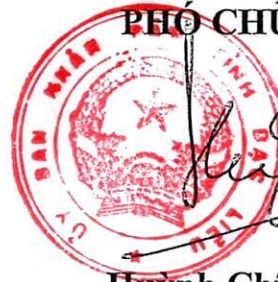
Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Trường Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, DT (QĐUB02).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Chí Nguyên

QUY ĐỊNH

**Ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 06/3/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công cho các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan quản lý Nhà nước, đơn vị, địa phương được phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
- Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Phân công các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp đối với các mặt hàng, cụ thể như sau:

- Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).
- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm; phân DAP; phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.
- Sở Y tế chủ trì đối với các mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp khi có yêu cầu của các cơ quan quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này và tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Phân công cơ quan chuyên môn thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phân công cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá, chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

2. Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ: Cơ quan được giao thẩm định phương án giá quy định tại khoản 1 Điều này tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

3. Trình và ban hành văn bản định giá

a) Đối với các trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá:

Sau khi hoàn thành thẩm định phương án giá, cơ quan được giao thẩm định phương án giá quy định tại khoản 1 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

b) Đối với trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá:

- Cơ quan được giao thẩm định phương án giá quy định tại khoản 1 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá để trình cấp có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu. Hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

- Sau khi có văn bản định khung giá hoặc tối đa hoặc giá tối thiểu, cơ quan được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tổ chức rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá cụ thể.

Điều 5. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá

Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực được phân công thẩm định phương án giá quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (*tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ*) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

(ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan), phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

Điều 6. Kê khai giá

1. Phân công cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận kê khai giá và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ (nếu có) chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh Bạc Liêu.

2. Thông báo danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

a) Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực được giao tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ được phân công tiếp nhận và theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, công tác quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực, rà soát lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành quy định tại phần B Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này. Thời gian tổng hợp gửi cho Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 01 hàng năm để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và công bố.

Riêng đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: Sở Y tế rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đưa vào Danh sách kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn (ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế) và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý.

b) Trên cơ sở đề xuất về Danh sách kê khai giá của các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận hồ sơ kê khai giá và các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế địa phương rà soát tổng thể, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá trên địa bàn tỉnh trước ngày 15 tháng 02 hàng năm và đăng tải Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận kê khai giá tại khoản 1 Điều này rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đăng tải Danh sách kê khai giá bổ sung (nếu có).

Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá. Các cơ quan được phân công nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 4 Quy định này có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý.

Điều 8. Tổng hợp, phân tích, dự báo và báo cáo giá thị trường

1. Sở Tài chính tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ, đột xuất trên địa bàn tỉnh, trực tiếp báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính.

2. Chi cục Thống kê phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh; phân tích diễn biến CPI của tỉnh trong kỳ báo cáo; phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI.

3. Phân công các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung. Chi tiết phân công thực hiện theo phụ lục III kèm theo Quy định này.

4. Cơ quan được giao nhiệm vụ tại khoản 3 Điều này gửi báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp. Định kỳ xây dựng báo cáo giá thị trường gửi về Sở Tài chính theo thời hạn như sau:

Đối với Báo cáo tháng: Trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo;

Đối với Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm: Trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo (*đối với Báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm*).

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ báo cáo giá thị trường theo khoản 3 Điều này có trách nhiệm phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ thu thập giá thị trường trực tiếp và xây dựng báo cáo giá thị trường trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý, định kỳ gửi báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp, xây dựng báo cáo giá thị trường của địa phương. Đồng thời cập nhật báo cáo giá thị trường vào phần mềm cơ sở dữ liệu giá của tỉnh Bạc Liêu.

Điều 9. Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng, tổ chức việc quản trị, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp xây dựng dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 10. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính: Kiểm tra các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác về chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quy định này.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ

quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các tổ chức trong Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực thực hiện kê khai giá trên địa bàn quản lý.

3. Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện vi phạm, dấu hiệu vi phạm thì các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tại khoản 1, khoản 2 Điều này có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định kiểm tra.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân cấp huyện trong quản lý nhà nước về giá.

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này và quy định pháp luật về quản lý nhà nước về giá.

2. Các Sở, Ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thuộc phạm vi quản lý để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này và quy định pháp luật về quản lý nhà nước về giá.

Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh: quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật trong Danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá; Danh mục hàng hoá, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương; ban hành mới văn bản định giá, điều chỉnh giá đảm bảo đúng thời hạn Chính phủ yêu cầu.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thuộc phạm vi quản lý; phân công cho các cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý để tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này và quy định pháp luật về quản lý nhà nước về giá.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để hướng dẫn, thực hiện. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Tài chính sẽ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC I

Phân công cơ quan chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá
(Kèm theo Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực
I	Định khung giá (2)	
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	Định giá tối đa (7)	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (<i>trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc</i>) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (<i>bao gồm cảng, bến thủy nội địa</i>) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
7	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III	Định giá cụ thể (13)	
A	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ (3)	
1	Nước sạch	- Nước sạch nông thôn: Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Nước sạch đô thị: Sở Xây dựng.
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế
B	Định giá cụ thể (10)	
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hoá, dịch vụ
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
10	Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương
V	Theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ (1)	
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hoá, dịch vụ
VI	Một số lĩnh vực định giá theo quy định pháp luật chuyên ngành tại khoản 4 Điều 3 Luật Giá 2023	
1	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh. Sở Y tế chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực
2	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
3	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
4	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
5	Nhà ở công vụ	Thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở: Sở Xây dựng chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
6	Nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở	
7	Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn	
8	Nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở	
9	Đất thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về đất đai	



PHỤ LỤC II

Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá

(Kèm theo Quyết định số 20 /2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước	
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng	Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền thẩm định giá của mình.
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng	Sở Xây dựng
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận kê khai giá
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm	Sở Xây dựng
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
15	Thiết bị y tế	Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa-đường biển	Sở Xây dựng
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Nông nghiệp và Môi trường

PHỤ LỤC III


Phân công cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ

(Kèm theo Quyết định số 20 /2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
I	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM	
1	Thóc tẻ	Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	Gạo tẻ	Ủy ban nhân dân cấp huyện
3	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)	Ủy ban nhân dân cấp huyện
4	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)	Ủy ban nhân dân cấp huyện
5	Thịt bò thăn	Ủy ban nhân dân cấp huyện
6	Thịt bò bắp	Ủy ban nhân dân cấp huyện
7	Gà ta	Ủy ban nhân dân cấp huyện
8	Gà công nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp huyện
9	Cá quả (cá lóc)	Ủy ban nhân dân cấp huyện
10	Cá chép	Ủy ban nhân dân cấp huyện
11	Tôm thẻ chân trắng	Ủy ban nhân dân cấp huyện
12	Bắp cải trắng	Ủy ban nhân dân cấp huyện
13	Cải xanh	Ủy ban nhân dân cấp huyện
14	Bí xanh	Ủy ban nhân dân cấp huyện
15	Cà chua	Ủy ban nhân dân cấp huyện
16	Giò lụa	Ủy ban nhân dân cấp huyện
17	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Ủy ban nhân dân cấp huyện
II	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP	
18	Phân đạm; phân DAP; phân NPK.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
19	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III	VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT	
20	Xi măng PCB 30	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
21	Xi măng PCB 40	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
22	Xi măng PCB 50	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
23	Thép cuộn	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
24	Thép thanh vằn	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
25	Phôi thép vuông	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
26	Phôi thép dẹt	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
27	Thép góc	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
28	Cát xây	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
29	Cát vàng	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
30	Cát đen đổ nền	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
31	Gạch xây	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện
32	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân cấp huyện
IV	DỊCH VỤ Y TẾ	
33	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
34	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
V	GIAO THÔNG	
35	Trông giữ xe máy	Sở Xây dựng
36	Trông giữ ô tô	Sở Xây dựng
37	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng
38	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng
VI	DỊCH VỤ GIÁO DỤC	
39	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ
40	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
41	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học	 Trường Đại học Bạc Liêu
42	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp	Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu